

TÒA ÁN NHÂN DÂN

Huyện Tân Hiệp

Tỉnh Kiên Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 51/2019/HNGĐ- ST

Ngày 29/07/2019.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Chúc

2. Ông Đinh Khắc Việt

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 29 tháng 07 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2019/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 06 năm 2019 về vụ kiện: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 07 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mộng N, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: số 371, ấp K 9, thị trấn T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

- Bị Đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: số 371, ấp K 9, thị trấn T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Mộng N trình bày: tôi và anh Phạm Văn T chung sống với nhau vào ngày 03/05/2009, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang vào ngày 14/10/2013. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình vợ chồng chung sống lúc đầu có hạnh phúc, nhưng đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là khi tôi mang thai đứa con thứ hai đã gần đến ngày sinh con thì anh T đã đi ra ngoài và có quan hệ với người đàn bà khác, tôi có khuyên bảo anh T nhiều lần nhưng anh vẫn không thay đổi, ngược lại anh T còn khủng bố tinh thần và bạo lực gia đình với tôi và anh T còn nói những lời lẽ thiếu văn hóa nghiêm trọng để chửi tôi và xúc phạm cha mẹ tôi, khi anh T đi nhậu say xỉn đến đêm về thì luôn bắt tôi phải phục vụ tình dục, bất chấp sức khỏe và bệnh tình của tôi, cho nên tôi đã dẫn 02 con về nhà cha mẹ đẻ và sống ly thân với anh Thiết từ ngày 21/05/2019 cho đến nay. Từ đó vợ

chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Tôi xét thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung gồm:

1/ Phạm Văn D, sinh ngày 03/08/2010

2/ Phạm Hồng N, sinh ngày 09/09/2013

Hiện nay 02 cháu đang chung sống với tôi,

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị N yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi xin được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về quan hệ con chung: tôi xin nhận nuôi cháu Phạm Hồng N, đồng thời giao cháu Phạm Văn D cho anh Thiết nuôi dưỡng, tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

*** Bị đơn anh Phạm Văn T trình bày:** Qua lời trình bày của vợ tôi về ngày tháng, năm kết hôn, có tổ chức đám cưới, có 02 con chung, không có tài sản chung và nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn là đúng. Hiện nay tôi vẫn còn rất thương yêu vợ con tôi.

Tại phiên tòa anh T yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi không đồng ý ly hôn với cô Nguyễn Thị Mộng N.

Về quan hệ con chung: Tôi xin được nhận nuôi dưỡng 02 con, tôi không yêu cầu cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền:** Đây là vụ kiện Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện Ly hôn không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét lời yêu cầu của chị N về quan hệ hôn nhân, chị N xin được ly hôn với anh Phạm Văn T là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm

cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”. Xét thấy do tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T hiện đang rất trầm trọng, nguyên nhân là khi chị N mang thai đứa con thứ hai đã gần đến ngày sinh con thì anh T đã đi ra ngoài và có quan hệ với người đàn bà khác, chị N có khuyên bảo anh T nhiều lần nhưng anh vẫn không thay đổi, ngược lại anh T còn khủng bố tinh thần và bạo lực gia đình với chị N và anh T còn nói những lời lẽ thiếu văn hóa nghiêm trọng để chửi chị N và xúc phạm cha mẹ chị N, khi anh T đi nhậu say xỉn đến đêm về thì luôn bắt chị N phải phục vụ tình dục, bất chấp sức khỏe và bệnh tình của chị N, cho nên chị N đã dẫn 02 con về nhà cha mẹ đẻ và sống ly thân với anh T từ ngày 21/05/2019 cho đến nay. Từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy lời yêu cầu của chị N xin được ly hôn với anh T được Tòa án chấp thuận.

[3] **Về quan hệ con chung:** Chị N xin được nhận nuôi cháu Phạm Hồng N, sinh ngày 09/09/2013, đồng thời giao cháu Phạm Văn D, sinh ngày 03/08/2010 cho anh T nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy giao cháu Phạm Hồng N, sinh ngày 09/09/2013 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời giao cháu Phạm Văn D cho anh T nuôi dưỡng là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Do cháu Phạm Văn D hiện nay 09 tuổi và nguyện vọng của cháu D là khi cha mẹ cháu ly hôn thì cháu sẽ sống với cha và cháu Phạm Hồng N hiện nay 05 tuổi, cháu N còn quá nhỏ nên cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Phạm Hồng N cho chị N trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Đồng thời giao cháu Phạm Văn D cho anh T trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định của pháp luật. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

[4] Xét lời yêu cầu của bị đơn anh Phạm Văn T về quan hệ hôn nhân: anh không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Mộng N là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”. Xét thấy do tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T hiện đang rất trầm trọng, nguyên nhân là khi chị N mang thai đứa con thứ hai đã gần đến ngày sinh con thì anh T đã đi ra ngoài và có quan hệ với người đàn bà khác, chị N có khuyên bảo anh T nhiều lần nhưng anh vẫn không thay đổi, ngược lại anh T còn khủng bố tinh thần và bạo lực gia đình với chị N và anh T còn nói những lời lẽ thiếu văn hóa

ng nghiêm trọng để chửi chị N và xúc phạm cha mẹ chị N, khi anh T đi nhậu say xỉn đến đêm về thì luôn bắt chị N phải phục vụ tình dục, bất chấp sức khỏe và bệnh tình của chị N, cho nên chị N đã dẫn 02 con về nhà cha mẹ đẻ và sống ly thân với anh T từ ngày 21/05/2019 cho đến nay. Từ đó chị N và anh T bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và việc hòa giải giữa chị N và anh T tại Tòa án không thành.

Chính vì vậy bác lời khai nại của anh Phạm Văn T.

[5] Xét lời yêu cầu của bị đơn anh Phạm Văn T về quan hệ con chung: Anh T không đồng ý giao cháu Phạm Hồng N, sinh ngày 09/09/2013 cho chị N nuôi dưỡng, anh T xin được nhận nuôi cháu Phạm Văn D, sinh ngày 03/08/2010 và cháu Phạm Hồng N, sinh ngày 09/09/2013, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi 02 con. Xét thấy giao cháu Phạm Hồng N, sinh ngày 09/09/2013 và cháu Phạm Văn D, sinh ngày 03/08/2010 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu là có cơ sở chấp nhận một phần vì theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Do cháu Phạm Văn D hiện nay 09 tuổi và nguyện vọng của cháu D là khi cha mẹ cháu ly hôn thì cháu sẽ sống với cha và cháu Phạm Hồng N hiện nay 05 tuổi, cháu Ngọc còn quá nhỏ nên cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Phạm Hồng N cho chị Nghi trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Đồng thời giao cháu Phạm Văn D cho anh T trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định của pháp luật. Không ai có quyền cản trở việc tối lui thăm nom con chung.

Chính vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu nuôi con chung của anh Phạm Văn Thiết.

[6] **Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:** Do chị N và anh T không có tài sản chung và nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] **Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:** chị N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0003416 ngày 24/06/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị N đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Mộng N và anh Phạm Văn T được ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Phạm Hồng N, sinh ngày 09/09/2013 cho chị Nguyễn Thị Mộng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Đồng thời giao cháu Phạm Văn D, sinh ngày 03/08/2010 cho anh Phạm Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị N và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tối lui thăm nom con chung.

3. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Mộng N nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003416 ngày 24/06/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị N đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Nguyễn Thị Mộng N và anh Phạm Văn T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quang Nhật